

Từ Trần Đức Thảo đến Trịnh Xuân Thuận Bốn mươi năm của Triết Học và Khoa Học

❖ Nguyễn Hữu Liêm

The only thing certain is the increasing uncertainty.¹

Điểm Sách:

- Trần Đức Thảo: *Lịch Sử Tư Tưởng trước Marx. Bài giảng tại Đại Học Sư Phạm Văn Khoa và Tổng Hợp Hà Nội, 1955-56.* Ghi lại bởi Hoàng Thiệu Khang, Nguyễn Đình Chú và Phạm Hoàng Gia. Lưu Đức Mộc đọc lại bản ghi. (NXB Khoa Học Xã Hội, 1995) (492 trang).

- Trịnh Xuân Thuận: *The Secret Melody: And Man Created Universe.* (Oxford University Press, 1995) (313 trang). (Bản Anh Ngữ bởi Storm Dunlop).

Trần Đức Thảo bắt đầu thuyết giảng về lịch sử triết học ở Hà Nội vào những năm 1955-56 bằng một tiên đề chủ nghĩa chắc nịch:

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng là phát xuất từ đời sống xã hội trong đó căn bản là quan hệ sản xuất- và sức sản xuất của xã hội. Ý thức là thuộc thượng tầng kiến trúc xây dựng trên cơ sở là chế độ kinh tế của xã hội. (tr. 17)

Và,

Chúng ta nghiên cứu lịch sử tư tưởng là để cụ thể hóa và chứng minh một cách có hệ thống mệnh đề căn bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên đây, tức là chứng minh rằng tư tưởng của con người xuất phát từ thực tế và nó có một vai trò thiết thực trong đời sống thực tế. Chúng ta không chứng minh mệnh đề đó một cách hoàn toàn khách quan mà sẽ chứng minh trong phạm vi lịch sử của chủ nghĩa duy vật. (tr. 17)

Giáo sư Thảo (xin gọi tắt bằng tên Thảo từ đây) xác định một lập trường triết học rõ ràng, không nghi ngờ, rằng duy vật biện chứng là một chủ nghĩa, một “*biểu hiện lập trường vô sản cách mạng xuất hiện trong quá trình đấu tranh giai cấp lịch sử*” - là một “*công cụ tinh thần*” để chúng

ta “*nắm vững nội dung giai cấp và xã hội của nó.*” Triết học không phải “*vì óc tò mò,*” mà ngược lại, nhằm để chứng minh một tiên đề triết học nay đã trở thành một mệnh đề lịch sử- phát xuất từ một chọn lựa chắc chắn của một lập trường chính trị.

Thảo là một yếu tố trong giòng sống của lập trường tư tưởng đó- của một tập thể cách mạng và chính trị dân tộc trong một giai thời đầy tự tin và tự mãn. Không có gì hạnh phúc cho bằng một chiến sĩ cách mạng vô sản Việt Nam ở giai đoạn lịch sử đó. Mọi thứ, khách quan và chủ quan, có vẻ như là theo ý mình, hay là ngược lại, ý chí của mình được xác nhận bởi khách quan. Ở đó, triết học không cần mệnh danh cái gọi là “*khách quan tính*”: tất cả là chọn lựa cho một chủ đích chính trị có tầm vóc lịch sử mà nội dung và chủ hướng của sự chọn lựa này đã được chọn lựa sẵn và dọn lên trên mâm cỗ chọn lựa từ một thời quán chuyển mình của dân tộc. Tự do trong triết học, mà Thảo đang hành hoạt, là sự minh giải cho chu vi chọn lựa đó: tìm ra gốc rễ của một mệnh đề giá trị mà con người ở giai đoạn đó đã quyết định dần thân.

Và Việt Nam thuở đó, của những năm 1954- 1960, ít nhất là của một nửa dân tộc và đất nước, được mở đầu

1 “Chỉ có một điều chắc chắn là điều không chắc chắn càng lúc càng gia tăng.” (NHL)

Từ Trần Đức Thảo Đến..

bằng một năng động *historical certainty* - một niềm tin chắc chắn cho sự mệnh. Lịch sử tư tưởng của Thảo là tiếng trống thào thúc cho một thể hệ dân tộc bước đi theo tiếng gọi của sự chắc chắn về sự mệnh này.

Nhưng cảm nhận chắc chắn trong ý thức về Ta đối với sự mệnh dân tộc này đến từ đâu?

Thảo, trong khi phê phán hiện tượng luận Husserl, đã có câu trả lời này từ trước: "*Cái thể thức của áp chế là chiếc chìa khóa cho tính huyền bí của tiên nghiệm*" (*Hiện Tượng Luận và Biện Chứng Duy Vật*, 1951). Cái tiên nghiệm này là năng động tự ý thức về cái Ta như là một cái gì có sẵn mà chính ta đã chắc chắn về nó. Và vấn đề còn lại-tức là hãy bỏ quên vấn nạn Descartes về chủ thể cho ý thức về ta, self-certainty- là chỉ khai phá cái nguồn gốc của bản chất nội dung năng động tiên nghiệm, tức là cái Ta, này. Và theo Thảo, trong duy vật biện chứng, không có gì là huyền bí về cái Ta đây thuộc tính có tính chất lý tưởng này, vì ý nghĩa của cái Ta, tức là cái hiện thành của ý nghĩa, là "*không gì hơn nhưng chỉ là một sự hoán vị biểu tượng của tính vận hành vật thể của quan hệ sản xuất vào trong một hệ thống của vận hành chủ ý để từ đó chủ thể tiếp nhận khách thể một cách duy ý tưởng trong sự tái sản xuất ra nó tự trong ý thức của chính mình. Đó là lý do chân thực cho cái Ta tự ngã này, vốn đang là trong thế gian, "kiến lập" thế gian trong nội tính của những hành vi sinh động của mình.*" (Dịch theo bản Anh Ngữ của Herman và Morano, 1986, tr. xxvi)

Do đó, sự chắc chắn về cái Ta trong giòng sông sự mệnh của dân tộc là bản chất cuộc mệnh của dân tộc, trên căn bản khách quan, mà ta tiếp nhận để rồi tự tái kiến tạo cho ta qua sinh nghiệm của ta trong năng lực chuyển động của lịch sử bằng bối cảnh khách quan mà ta cảm nhận được.

Cái Ta này là cái Ta dân tộc, và dân tộc, như là một cấu trúc liên hệ sản xuất thuần kinh tế, là nguồn gốc của cái Ta trừu tượng. Còn khi ta nhận diện và đồng hóa chính Ta vào sự mệnh của đất nước chỉ là cái hiện thân của biện chứng khách quan qua khả năng thu nhận của cái Ta chủ quan. Và Ta chỉ là một hoán thể của một thời quán (moment) cách mạng, đầy chắc chắn về chính mình mà dân tộc đang kinh qua.

Đó là niềm hạnh phúc của Thảo; nhưng cũng là nỗi khổ đau cho Thảo, và cho cả Việt Nam. Vì thực thể khách quan, thực chất là chỉ có chế độ chính trị đang tự mãn, tự tin và kiêu cường, mà Thảo nhận diện chính mình, ít nhất là trên phương diện tâm lý, cho Thảo một căn bản tự mãn để triết học của mình biết mình đang muốn cái gì. Tuy nhiên, khi triết học đã trở nên chắc chắn về chính mình, nó không còn là một cuộc tìm, thì tất cả các tiền đề, vấn nạn, nghi vấn, dằn vặt chỉ còn lại là những mệnh đề đầy bản chất kết luận- những phát quyết về giá trị trên căn bản chủ đích và khách quan trước khi quy nạp đầy đủ dữ kiện cho tiến trình biện chứng trong chu vi tự do của cái Ta này.

Và đó là nguồn gốc của khổ nạn cho dân tộc trong suốt bốn mươi năm qua: sự chắc chắn quá độ về chính mình trong sự mệnh dân tộc của một tập thể cách mạng và chính trị. *Fanatical certainty is the root of all evils.*²

Bây giờ xin trở lại cấu trúc và nội dung các bài giảng.

Càng đọc những bài giảng này, người đọc sẽ thấy rằng, thứ nhất: Ngôn từ mà Thảo sử dụng rất là đơn giản (có lẽ vì là văn nói cho đối tượng là sinh viên), không ghi chú hay họa thêm những thuật ngữ triết học bằng Pháp văn; cấu trúc thì mạch lạc, dễ hiểu.

Thứ hai: Mặc dù mang nội dung trái nghịch với triết học Hegel, tiền đề chuyển động của lịch sử tư tưởng gần như không có khác biệt căn bản nào với triết học lịch sử Hegel, ngoại trừ Thảo không nói gì nhiều đến Á Đông. Về Trung Hoa thì Thảo chỉ phớt qua, và nhất là không nói gì về Ấn Giáo và Phật Giáo; trong khi đó, Thảo lại nói rất nhiều về triết học Hy Lạp. Đây là vấn đề thiên kiến của trí thức Tây Âu vốn chỉ suy luận trên căn bản tài liệu có sẵn ở giai đoạn đó. Tuy nhiên, ưu điểm của Thảo là cung cấp một cơ bản bằng chứng thực nghiệm cho sự chuyển động của tư tưởng, nhất là từ Ai Cập sang Hy Lạp, mà Hegel đã từng bị chỉ trích là không hề đề cập đến.

Thứ ba: Phần suy luận về nguồn gốc và bản chất đạo Gia Tô mang nội dung triết học sâu sắc nhất trong cả toàn thể các bài giảng. Ví dụ:

Tinh chất của Gia Tô là thực hiện một chuyện hợp lý và nhân đạo nhưng thực hiện trong một thế giới mơ hồ của

2 "Sự chắc chắn một cách cuồng tín là gốc rễ của mọi tội lỗi." (NHL)

linh hồn. (Mơ hồ vì yêu cầu của nhân dân là sự mong muốn một sự thống trị khác, một vị minh quân- trong khuôn khổ nô lệ- ước muốn đó cố nhiên phải mơ hồ và không thể có được, chế độ nô lệ đã hết nhiệm vụ. Tuy nhiên sự “giải phóng này” tuy mơ hồ nhưng có cơ sở). Từ đó, xuất hiện quan niệm hai thế giới: bên kia bình đẳng, bác ái trong linh hồn, bên này là thế giới vật chất. Bên kia là sự thể hiện những yêu cầu của bên này và cũng là một giải pháp để duy trì thực tế của bên này. Tuy giải quyết trừu tượng nhưng nó tồn tại được vì nó tiêu biểu cho một bước tiến bộ thực về phương diện khách quan và lịch sử: từ nô lệ qua phong kiến, nô lệ không phải là con người còn nô lệ thực tế vẫn bị áp bức bóc lột dã man nhưng trong tinh thần là một con người có quyền sở hữu. Vẫn là áp bức bóc lột tàn tệ nhưng hình thức tiến bộ- Gia Tô có hình thức tiến bộ nhưng nội dung mơ hồ: bình đẳng và bác ái cho cả nhân loại, không phân biệt giai cấp, dân tộc. Đặt nó là một chân lý thế gian nhưng để nó ra ngoài thế gian, phủ định nó trong thế gian, cho thực tế là mơ hồ và lấy mơ hồ làm thực tế- do đó, Gia Tô bảo vệ chế độ phong kiến và bao trùm tư bản vì nó thỏa mãn thiết thực giai cấp thống trị- phổ cập ở toàn bộ Tây Phương, một phần thế giới và rất sâu sắc. Vì thế phong trào cách mạng trong thời Trung Cổ và cả tư sản một phần nào bị lôi cuốn trong đạo Gia Tô nhưng chủ yếu là chống quan niệm Gia Tô: quan niệm những giáo điều đó là chân lý nhưng khẳng định nó trong thế giới bên này. (tr. 311-312, sđd).

Thứ tư: Cái khung thức và thể cách triết luận của Thảo là một nỗ lực biện chính một chiều: bản chất sự thể khách quan quyết định nội dung tư tưởng qua tiến trình biện chứng. Cái khung thức này càng ngày càng trở nên cứng ngắt cho dù, với rất nhiều bằng chứng mà Thảo nêu lên, lịch sử tư tưởng càng trở nên phức tạp và đa dạng. Ví dụ, thật là bất công, nếu không nói là sai lầm, khi Thảo cho rằng tất cả cơ cấu phạm trù về suy luận tiên nghiệm của Kant chỉ là hiện thân tư tưởng của giai cấp tư sản Âu Tây khi đã nắm được quyền thống trị (tr. 406-407). Lịch sử tư tưởng của Thảo, trên phương diện thuần triết học, do đó, chỉ còn là một tiến trình xung thực, chất đầy những thuật ngữ mang âm điệu chính trị- và đến một mức độ nào đó nó trở nên nhàm chán. Sự chuyển hóa của bản chất tư tưởng không kèm theo một sự chuyển hóa của khuôn thức logic và tương hệ. Từ đó, cái bản chất chắc chắn của ý thức hệ trở nên một chiếc thang không còn khả năng để chịu đựng sức nặng từ sự vươn lên của ý thức- khi ý thức, dù là từ căn bản duy vật biện chứng,

đã trở nên đầu mối của chuyển động cho lịch sử và tác dụng ngược lại nền tảng vật thể khách quan.

Đây là một lịch sử tư tưởng, với Marx làm mốc điểm, mà Thảo và các nhà duy vật biện chứng trình bày, như một “grand narrative,” nếu nhìn thật sâu, với đầy một nội dung huyền học “duy tâm” trong khi nhân danh một nội dung đối nghịch. Triết học duy vật biện chứng cũng như là những nấc thang bước lên cho chính trị đã biến thành một chiếc thuyền bị đắm trong giòng nước ứ đọng bởi cái đập lớn mà mình dựng lên.

Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa là chúng tôi ở đây muốn lên giọng phủ nhận duy vật biện chứng, hay là giá trị lịch sử chính trị thời đó như là một *logical necessity* của một giai đoạn, mà Thảo- xứng đáng là một triết gia bậc thầy theo tiêu chuẩn Tây Âu, cả về khả năng tư tưởng, cũng như là sự dấn thân chân thực và toàn diện của cuộc đời mình cho lý tưởng cộng sản- và rất đông con dân Việt đã tham dự.

Ở những năm đó, 1955-1957, ở Hà Nội, thì quan điểm duy vật biện chứng đã rất là cần thiết cho những đầu óc Việt Nam vốn đã từ lâu ngủ quên trong những chiều bài tôn giáo “duy tâm” của Lão, Phật và Gia Tô La Mã. Triết học *Marxism*, như là một hệ thống phê phán xã hội, là một năng động thúc tỉnh suy tư, khuyến khích cái nhìn sáng tạo và mới lạ đối với nguồn khốc khổ đau của nhân loại- hơn là cứ đổ tội cho nghiệp báo, hay là Tạo hóa. Và lịch sử tư tưởng và khoa học thực nghiệm, trên hầu hết mọi phương diện, trong suốt nửa thế kỷ qua đã xác nhận, bằng một cung cách khác, những tiền đề duy vật biện chứng- trừ đi cái nội dung duy kinh tế và giai cấp của *Marxism*.

Tuy nhiên, vấn đề ở đây không phải là đúng hay sai, khi chúng ta đánh giá một chủ thuyết, hay một hệ thống triết học, dù rằng nó đã được đưa đến và áp đặt bằng luận điệu truyền giáo về một chân lý tuyệt đối, tuy không nhân danh một thần đế nào, ngoại trừ tính chất khách quan khoa học.

Điều mà chúng ta muốn tìm đến là sự khai mở tâm thức- mà điều kiện căn bản là sự khoan dung về tư tưởng mà sự khởi đầu là một nỗ lực giảm bớt cái cảm nhận tự mãn, tự chắc chắn quá mức đối với một chủ thuyết hay tiền đề tư tưởng nào. Điều này phải được áp dụng vào nhiều vấn đề: khi đánh giá lại lịch sử dân tộc trong thế kỷ qua, về chủ nghĩa cộng sản, về những khái niệm chính trị, về văn hóa, về khoa học và tôn giáo. Khi nhân danh một

Từ Trần Đức Thảo Đến..

tiền đề giá trị nào như là một mệnh pháp tối cao cũng chính là lúc gốc rễ nô lệ khởi sinh.



Và ở thời điểm này, 1996, một tấm gương cho tinh thần ít chắc chắn về kiến thức và tiền đề giá trị, như vừa nói, là Trịnh Xuân Thuận qua tác phẩm *The Secret Melody- and man created the universe (Giai Điều Bí Mật- và con người tạo nên vũ trụ)*.

Trịnh Xuân Thuận hiện đang là giáo sư thiên văn học tại University of Virginia. Ông thường được gọi là “Carl Sagan của Pháp” - một trong những học giả hàng đầu của thế giới, nhất là Pháp ngữ, về khoa học vật lý không gian. Cuốn *The Secret Melody* là nhằm giúp “cho đầu óc tìm hiểu, tò mò về thế giới chung quanh và thích biết đến những tiến bộ mới nhất về khoa vũ trụ học, mà không cần đến kiến thức của một chuyên gia hay đã được huấn luyện về lãnh vực này. Cuốn sách (này) tường thuật lại quá trình tiến hóa của quan điểm con người về vũ trụ trong suốt nhiều niên kỷ, với sự nhấn mạnh về thế giới quan hiện nay, vũ trụ Big Bang. Nó cũng đề cập đến những câu hỏi vốn vượt qua khỏi lãnh vực thuần khoa học, nhưng thường hay được nêu lên trong bất cứ cuộc thảo luận nào về nguồn gốc của vũ trụ: Có phải chúng ta có mặt ở đây bằng ngẫu nhiên (chance) hay là sự hiện diện của chúng ta ngầm chỉ đến một Tạo Hóa (Designer)?” (tr. vii).

Đây có lẽ là cuốn sách đầy đủ nhất, cho độc giả không chuyên môn, mà tôi đọc được về vũ trụ học. So với các sách phổ thông về vũ trụ học như là của Hawking, Weinberg, Pagels, Davies... thì cuốn sách này của Giáo sư Thuận (từ đây, Thuận) là đầy đủ, sâu sắc và quân bình hơn nhiều. Về phương diện văn chương cũng thế. Dù đây là bản dịch, lối diễn đạt và điệu văn rất hấp dẫn và mang âm điệu thi ca, như tên cuốn sách đã nói lên được phần nào.

Về nội dung thì Thuận đã bao gồm thêm được những quan điểm về vũ trụ của Trung Hoa vốn thường thiếu vắng trong các sách khác. Ông cũng nói đến bản chất “không im lặng của vũ trụ,” trái lại, tất cả đều đang hòa tấu một “giai điệu bí mật” mà đang chờ con người khai phá. Thuận cũng đề cập đến giả thuyết nhiều cõi sống đồng thời, “the multi-world theory,” vốn được mở đầu bởi Everett, một sinh viên ở đại học Yale, trong luận án tiến sĩ. (Lý thuyết này còn được gọi là “many-histories interpretation of quantum mechanics” mà trên phương diện toán học, Hawking đã phải công nhận là đúng, dù là, theo Hawking, “dơ bẩn”).

Hai chương sách của Thuận mà tôi muốn nói tới là chương Ba, *The Actors in the Drama: The Galaxies and the Space-Time Couple*, và chương Tám, *God and the Big Bang*. Chương Ba đưa ra những cái nhìn mới về không gian và thời gian vốn đảo ngược hay phủ nhận tất cả những quan điểm hay ý thức về vấn đề này mà chúng ta vốn coi như là hiển nhiên. Thời gian và không gian có một bắt đầu và đang được kiến tạo. Chiều hướng của mũi tên thời thể không nhất thiết là từ quá khứ đi về tương lai. Khi đi vào *Black Hole*, thời gian chậm lại và ngừng hẳn để cho quá khứ, hiện tại và tương lai chỉ còn là một vịnh hằng mà kẻ “ở đó bị đày đọa tồn hữu và tiêu vong bên trong cái Lỗ Đen” và “tất cả vịnh hằng đi qua trước mắt hẳn chỉ trong khoảnh khắc.” (tr. 80).

Đối với Thuận thì hầu hết, nếu không nói là tất cả, bằng chứng khoa học đều mang tính chất phủ nhận sự hiện hữu của một siêu thể sáng tạo nên vũ trụ. Tuy nhiên, “ngghi ngờ vẫn tiếp tục.” Tất cả những gì trong vũ trụ này có vẻ như là không chỉ là một sự thể tình cờ, ngẫu nhiên. Với vấn nạn này, khoa học gia, cũng như người thường, cũng chỉ có cách là đánh cá mà thôi. Và Thuận muốn đánh cá theo hướng của tôn giáo, “on sense and hope”: “Tôi sẵn sàng để đánh cá cho sự hữu của một siêu thể.” (tr. 248 249)

Và đây là điều quan trọng về thái độ thành thật của Thuận- đáng để cho chúng ta kính phục. Dù với kiến thức khoa học bao la, dù có tin tưởng về giá trị khách quan và bằng chứng khoa học, Thuận vẫn khiêm tốn đối với cảm nhận chắc chắn của mình về những gì mà mình đang tìm kiếm. Thuận chỉ muốn nói đến một “wager” (đánh cá) chứ không dám phán quyết như là một mệnh đề chắc nịch. Mà trong đó, ví dụ, Thuận cũng rất cẩn mực để trình bày bản chất giá trị tương đối của những lý thuyết về vũ trụ học, nhất là thuyết *Big Bang*. Mặc dù, thuyết này có nhiều bằng chứng nâng đỡ, nhưng nó vẫn chỉ là một giả thuyết. Và sẽ còn có nhiều giả thuyết khác. Điều mà Thuận đã không nói ra là vấn đề trong các trường phái khoa học thiên văn: những lập luận mang bản chất lý thuyết, trình bày qua toán học, được đưa ra để làm như là có giá trị bằng chứng. Các khoa học gia, chuyên gia thuộc lãnh vực khoa học này là một nhóm đặc quyền, nhân danh kiến thức cao rộng không thể đến được bởi người khác, truyền đạt bằng ngôn ngữ toán học cao cấp, và đưa ra những giả thuyết kỳ lạ.

Nhưng có phải đó là giá trị của khoa học không gian- nó vượt qua biên độ tri kiến và suy luận thông thường. Và

khoa học này, và những người trong đó, có Thuận, “dám” đặt đến các vấn đề đáng lẽ ra không ở trong chu vi của khoa học thực nghiệm: Có một siêu thể sáng tạo ra vũ trụ này hay không?

Khi đặt câu hỏi như thế và cố gắng trả lời thì khoa học gia không gian đã mang chiếc áo triết gia. Điều khác biệt, và nguy hiểm hơn, là khoa học gia nhân danh một tiền đề giá trị chắc nịch: khoa học thực nghiệm. Và đây là nguồn gốc của vấn đề. Các khoa học gia không gian muốn giả danh khoa học để theo đuổi lý tưởng siêu hình cho họ vì nhân loại và thời đại không còn có những cơ sở linh thiêng, ví dụ tu viện, cho họ ẩn nấp? Nếu họ mệnh danh khoa học thực nghiệm trong khi phá đổ tất cả những nền tảng quan sát thực nghiệm (không và thời gian, tính khách quan, quy luật *casuality*...) thì liệu chiếc áo “khoa học” của họ, mệnh danh như là chân lý, có còn đứng vững? Khi họ dùng suy luận và kiến thức truyền thống, dù có được diễn đạt qua toán học, để bàn những chuyện vượt qua biên giới suy tưởng của tri giác thì chính họ cố gắng nhảy qua chính mình? Có phải họ là, nói theo luận điệu của Thảo, những triết gia “duy tâm,” trong khi bám vào giá trị duy vật biện chứng, một hiện thể thượng tầng của một giai cấp tư sản mỗi một với cuộc đời, muốn

đi vào cái “beyond” đồng lúc lạm dụng khoa học (đại học là các tu viện) như là phương tiện để sinh sống? Hãy nhìn tới vấn đề tranh giành những ngân khoản nghiên cứu từ chính phủ giữa các đại học, các viện và các ngành thì mới thấy rằng đây không phải là những nghi vấn quá đáng. Hãy nhìn vào hiện tượng hôn hờ của các kẻ “thầy sang bắt quàng làm họ” trong Phật Giáo cũng như Thiên Chúa Giáo đang sử dụng các giả thuyết vật lý lượng tử và không gian học để biện hộ cho niềm tin của mình.

☪

Bốn mươi năm trôi qua, (1956- 1996) biết bao nhiêu là đổi thay, phát triển. Nhân loại có vẻ như là biết nhiều hơn, trên phương diện dữ kiện hàng ngang, nhưng chúng ta có khôn ngoan hơn? Chúng ta có gần đến với một “chân lý” nào đó mà triết học và khoa học đang cố gắng đi tìm? Hay là chúng ta đã từng đặt sai câu hỏi? Nhìn lại bốn mươi năm qua của triết học và khoa học, và lịch sử Việt Nam, qua Trần Đức Thảo và Trịnh Xuân Thuận, thì chỉ có một điều chắc chắn: Đó là càng ngày nhân loại càng không chắc chắn về chính mình và vũ trụ. Và người Việt, về tư tưởng và lịch sử, chúng ta lại càng ít chắc chắn hơn.

